TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2019
V/v ly hôn, nuôi con, tài sản khi ly hôn giữa chị H và anh Ch

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Côn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm 2, Xuân Trung, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm 11, xã HS, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị D (tên khác Phạm Thị R), sinh năm 1937. Địa chỉ: Xóm 11, xã HS, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

- *Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Trần Thị H:* Bà Phạm Thị N- Luật sư Văn phòng Luật sư Nam Thái chi nhánh số 1, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm Hùng V, sinh năm 1952. Địa chỉ: Xóm 11, xã HS, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Lê Hùng C, sinh năm 1953. Địa chỉ: Xóm 11, xã HS, huyện HH, tỉnh Nam

Định. (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-5-2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Ch có tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14-4-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ngay sau khi kết hôn, anh Ch thường xuyên tìm cớ đánh chửi chị H, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên đến ngày 13-6-2006, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Hải Hòa để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Khi về nhà mẹ đẻ ở, chị H đã có thai hai tháng nhưng từ khi sinh con cho đến nay, anh Ch không thăm nom, có trách nhiệm gì với con chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Văn Tiện, sinh ngày 04-02-2007, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tiện, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị H trình bày vợ chồng đã giải quyết xong khi chị về nhà bơ mẹ đẻ ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ riêng: Khi kết hôn chị H có đưa cho bà Trần Thị D (tên khác Phạm Thị R) là mẹ đẻ anh Ch mượn 3 chỉ vàng 9999, nay ly hôn chị H yêu cầu bà Trần Thị Dân có trách nhiệm trả cho chị 03 chỉ vàng 9999, chị không yêu cầu tính lãi. Số vàng trên là tài sản riêng của chị H mà chị cho bà D vay sau khi cưới, khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở chị có yêu cầu bà D trả nợ cho chị nhưng bà Dân không có trả nên hai bên có viết giấy biên nhận cho vay vào ngày 13-6-2006 có sự chứng kiến của nhiều người trong đó có ông Phạm Hùng V- nguyên là Xóm trưởng và ông Lê Hùng C nguyên là Xóm phó xóm 11, xã Hải Sơn làm chứng ký tên chứng nhận và viết giúp văn bản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-6-2019, bị đơn anh Phạm Văn Ch trình bày:

Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 14-4-2006 , quá trình chung sống , nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H khai ở trên là đúng. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh Ch nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung, anh Ch trình bày thống nhất với chị H. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Ch trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ riêng mà chị H trình bày: Anh không biết việc vay mượn riêng giữa bà D và chị H cụ thể như thế nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-6-2019, bà Trần Thị D (tên khác Phạm Thị R) trình bày: Bà xác nhận việc viết giấy biên nhận vào ngày 13-6-2006 là sự việc có thật, có con trai bà và chồng bà ký vào giấy biên nhận. Tuy nhiên, bà D không công nhận việc bà vay chị H 03 chỉ vàng 24k mà theo bà, bà chỉ nhận ở chị H số tiền 3.000.000đ

ở vào thời điểm đó tương đương ba chỉ vàng và số tiền này là tiền chị H đưa bà trả nợ tiền làm đám cưới cho vợ chồng anh Ch, chị H.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Phạm Hùng V- nguyên là Xóm trưởng và ông Lê Hùng C nguyên là Xóm phó xóm 11, xã Hải Sơn đều thể hiện: Việc chị H đòi nợ bà D 03 chỉ vàng 24K vào ngày 13-6-2006 là có thật, tại buổi làm việc này, bà D có công nhận nợ chị H 03 chỉ vàng 24K và khất nợ chị H. Do bà D không biết chữ nên ông C viết biên bản giúp. Khi viết giấy do bà D không biết chữ nên có anh Khánh là con trai và ông Ích là chồng bà D chứng kiến và ký xác nhận sự việc thay bà.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh Ch, bà D vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự Trần Thị H, luật sư Phạm Thị N trình bày:

+ Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh Ch. Đề nghị giao cháu Phạm Văn Tiện cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Ch không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H. Về phần tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Do chị H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ riêng: Đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị D (tên khác Phạm Thị R) có trách nhiệm thanh toán cho chị H 03 chỉ vàng 9999, chị H không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Ch. Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Văn Tiện cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Ch không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H. Về phần tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Do anh Ch, chị H xác nhận không có nên không giải quyết. Về công nợ riêng: Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự: Buộc bà Trần Thị D (tên khác Phạm Thị R) có trách nhiệm thanh toán cho chị H 03 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H, anh Ch, bà D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh Ch, bà D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Ch kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14-4-2006 tại UBND xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị H và anh Ch chỉ

sống chung trong thời gian khoảng hai tháng sau khi kết hôn, từ tháng 6-2006, anh Ch và chị H sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Đến nay chị H, anh Ch đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy chị H, anh Ch đã không chung sống trong một thời gian dài, cuộc hôn nhân đến nay đã không đạt được mục đích nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn Ch là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H, anh Ch thống nhất trình bày có 01 con chung là cháu Phạm Văn Tiện, sinh ngày 04-02-2007, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H và anh Ch đều thống nhất giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, đồng thời cháu Tiện cũng có nguyện vọng xin ở với chị H nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tiện là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị H và anh Ch xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về công nợ riêng: Chị Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị D có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho chị 03 chỉ vàng 24K (9999). Xét yêu cầu của chị H thì thấy: Việc vay nợ giữa chị H và bà D được thể hiện bằng giấy biên nhận ngày 13-6-2006. Mặc dù bà Trần Thị D không công nhận về việc vay chị H 03 chỉ vàng 24K nhưng bà D thừa nhận có nhận tiền từ chị H, công nhận việc viết giấy biên nhận là sự việc có thật, khi viết giấy do bà không biết chữ nên chồng bà và con trai bà ký xác nhận thay bà. Đồng thời, những người làm chứng ông Hùng, ông C đều công nhận việc bà H nhận nợ và khất nợ chị H 03 chỉ vàng vào ngày 13-6-2006 và việc viết giấy biên nhận ngày 13-6-2006 mà chị H xuất trình cho Tòa án là sự việc có thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy buộc bà Trần Thị D có trách nhiệm trả nợ chị Trần Thị H 03 chỉ vàng 9999 là có căn cứ. Về lãi suất: Do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho chị H nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà D là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều Điều 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Văn Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Văn Tiện, sinh ngày 04-02-2007 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Phạm Văn Ch không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mà được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Ch thực hiện quyền thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.(Hiện cháu Tiện đang ở với chị H).

3. Về công nợ riêng: Buộc bà Trần Thị D (tên khác Phạm Thị R) có trách nhiệm thanh toán cho chị Trần Thị H 03 chỉ vàng 9999. (Giá vàng 24k (9999) vào ngày 30-9-2019 là 4.133.000đ /01 chỉ)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000479 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Ch, bà D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã Hải Sơn: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng